

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **39** /2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **23** tháng **4** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật
số 52/2019/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi
dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
89/2021/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đào tạo,
bồi dưỡng công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về công dân
Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học
thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc
lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo,
bồi dưỡng công chức, viên chức;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 213/TTr-SNV ngày 25
tháng 3 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế đào tạo, bồi
dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **02** / **5** / 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ,
Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các



xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Báo và PTTH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC(D).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh



QUY CHẾ

**Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **39** /2026/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;
2. Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, ở cấp xã;
3. Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào kế hoạch hàng năm, tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm; gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị, địa phương và của tỉnh.
2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và được cấp có thẩm quyền cử đi (Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng ban hành trước khi cán bộ, công chức, viên chức tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng); không cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ hai khóa trở lên trong cùng một thời gian.
3. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo các chương trình, đề án, dự án của Trung ương, của tỉnh có quy định riêng thì thực hiện theo quy định tại các chương trình, đề án, dự án đó.

4. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự đào tạo, bồi dưỡng và việc lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

6. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

7. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

Chương II

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn chung cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm trong công tác và ý thức tổ chức kỷ luật cao.

2. Có vị trí việc làm phù hợp với nội dung, chương trình của khóa đào tạo, bồi dưỡng.

3. Không trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật, đình chỉ công tác, thời hạn xử lý kỷ luật, thời gian thi hành kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

4. Có đủ sức khỏe và đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo yêu cầu của từng khóa đào tạo, bồi dưỡng

Điều 5. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo

1. Đào tạo trình độ đại học

a) Cán bộ cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và phải có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

b) Đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này được cử đi học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này còn phải đáp ứng yêu cầu của chương trình hợp tác.

2. Đào tạo sau đại học

a) Đối với công chức phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 4 Quy chế này và quy định tại Điều 5 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

b) Đối với cán bộ, viên chức phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 4 Quy chế này và quy định tại Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 6. Nội dung, chương trình, tài liệu bồi dưỡng, hình thức tổ chức bồi dưỡng và yêu cầu tham gia các chương trình bồi dưỡng

1. Nội dung, chương trình, tài liệu bồi dưỡng, hình thức tổ chức bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 25 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP; Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2021/NĐ-CP.

2. Yêu cầu tham gia các chương trình bồi dưỡng thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP; Điều 18 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2021/NĐ-CP.

Điều 7. Điều kiện, tiêu chuẩn cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng

1. Đối với đi bồi dưỡng ở trong nước

Cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia các khóa bồi dưỡng khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn về phạm vi, đối tượng của chương trình bồi dưỡng, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công tác, nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị, địa phương, của tỉnh và tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý, yêu cầu của vị trí việc làm.

2. Đối với đi bồi dưỡng ở nước ngoài

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng ở nước ngoài đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 4 Quy chế này, các quy định theo từng đối tượng quy định tại Điều 32 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Điều 28 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP và các quy định hiện hành của Trung ương, của tỉnh có liên quan.

Điều 8. Hồ sơ cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước

1. Hồ sơ cử đi đào tạo trong nước:

a) Công văn đề nghị của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đề nghị cử đi đào tạo;

b) Đơn đăng ký đi đào tạo;

c) Bản cam kết công tác tại cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức sau khi hoàn thành khóa đào tạo;

d) Thông báo nhập học hoặc quyết định trúng tuyển; phiếu báo điểm thi;

đ) Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo;

e) Các giấy tờ khác theo yêu cầu của cơ sở đào tạo (nếu có).

2. Hồ sơ cử đi bồi dưỡng trong nước: Thực hiện theo yêu cầu cụ thể của khóa bồi dưỡng theo quy định.

Điều 9. Hồ sơ cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài

1. Hồ sơ cử đi đào tạo ở nước ngoài:

a) Văn bản của thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo ở nước ngoài;

b) Đơn xin đi đào tạo ở nước ngoài có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

c) Bản cam kết công tác tại cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức sau khi hoàn thành khóa đào tạo;

d) Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch công chức, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, quyết định nâng lương gần nhất;

đ) Bản sao chứng thực Văn bản mời tham gia khóa đào tạo tại nước ngoài; quyết định trúng tuyển (gồm bản chính và bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực chữ ký của người dịch);

e) Văn bản chứng minh chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với khóa đào tạo (bản phân công nhiệm vụ chuyên môn liên quan tại cơ quan, đơn vị);

h) Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo;

i) Các giấy tờ khác theo yêu cầu của cơ sở đào tạo (nếu có).

2. Hồ sơ cử đi bồi dưỡng ở nước ngoài:

- a) Văn bản của thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng ở nước ngoài;
- b) Đơn xin đi bồi dưỡng ở nước ngoài có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị;
- c) Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch công chức, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, quyết định nâng lương gần nhất;
- d) Bản sao chứng thực văn bản mời tham gia khóa đào tạo tại nước ngoài (gồm bản chính và bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực chữ ký của người dịch);
- đ) Văn bản chứng minh chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với khóa bồi dưỡng (bản phân công nhiệm vụ chuyên môn liên quan tại cơ quan, đơn vị);
- e) Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề;
- g) Các giấy tờ khác theo yêu cầu của cơ sở đào tạo (nếu có).

Điều 10. Tự đào tạo, bồi dưỡng

1. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bảo đảm đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn vị trí việc làm theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương, của tỉnh.

2. Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tự đào tạo, bồi dưỡng trong nước, tự chi trả các khoản kinh phí học tập, học ngoài giờ hành chính thì không áp dụng các điều kiện quy định tại Điều 5 Quy chế này; phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định.

Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý phải được sự đồng ý bằng văn bản theo thẩm quyền quy định trước khi tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng.

3. Cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tự đào tạo, bồi dưỡng trong nước, tự chi trả các khoản kinh phí học tập, học ngoài giờ hành chính, việc học tập không ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại cơ quan, đơn vị, địa phương thì không áp dụng các điều kiện quy định tại Điều 5 Quy chế này; trong trường hợp việc học tập có ảnh hưởng đến thời gian làm việc của cơ quan, đơn vị thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Chương III

QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 11. Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức

1. Quyền lợi của công chức

a) Đối với đào tạo, bồi dưỡng trong nước: Được hưởng các quyền lợi theo quy định tại khoản 1, Điều 33 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

b) Đối với đào tạo, bồi dưỡng nước ngoài: Được hưởng quyền lợi theo quy định tại khoản 2, Điều 33 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP; các quy định của pháp luật khác có liên quan và quy chế của cơ quan, đơn vị.

c) Công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số, ngoài những quyền lợi được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

2. Quyền lợi của cán bộ, viên chức

a) Đối với đào tạo, bồi dưỡng trong nước: Được hưởng các quyền lợi theo quy định tại khoản 1, Điều 37 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

b) Đối với đào tạo, bồi dưỡng nước ngoài: Được hưởng quyền lợi theo quy định tại khoản 2, Điều 37 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

c) Cán bộ, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số, ngoài những quyền lợi được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

Điều 12. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức

1. Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Không ngừng tự nghiên cứu, tự học tập và chủ động lựa chọn các chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm để tự nâng cao trình độ, năng lực thực thi nhiệm vụ, công vụ.

3. Tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng khi có quyết định phê duyệt danh sách học viên, quyết định cử tham gia các lớp; thực hiện quy chế đào tạo, bồi dưỡng và chịu sự quản lý trực tiếp của cơ sở đào tạo trong suốt thời gian học tập; tích cực rèn luyện, hoàn thành các yêu cầu của chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 và khoản 4 Điều 14 Nghị định số 86/2021/NĐ-CP quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

4. Thực hiện cam kết về thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và thực hiện quy định về đền bù chi phí đào tạo.

Chương IV **KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,** **VIÊN CHỨC VÀ ĐỀN BÙ CHI PHÍ ĐÀO TẠO**

Điều 13. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng công chức theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức; đóng góp của công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức đóng góp, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí do đơn vị tự đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Trường hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo các Chương trình/Đề án/Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn kinh phí thực hiện theo các Chương trình/Đề án/Dự án đó.

4. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng các đối tượng khác áp dụng Quy chế này thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 100/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

Điều 14. Đền bù chi phí đào tạo đối với công chức

1. Công chức được cử đi đào tạo bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức phải đền bù chi phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.



2. Quy định về Hội đồng xét đền bù, thành lập Hội đồng xét đền bù, cuộc họp của Hội đồng đền bù, Quyết định đền bù, trả và thu hồi chi phí đền bù được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

3. Chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

Điều 15. Đền bù chi phí đào tạo đối với viên chức

1. Viên chức được cử đi đào tạo bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng phải đền bù chi phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

2. Quy định về Hội đồng xét đền bù, thành lập Hội đồng xét đền bù, cuộc họp của Hội đồng đền bù, Quyết định đền bù, trả và thu hồi chi phí đền bù được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

3. Chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

Chương V QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 16. Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được quản lý thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nội vụ là cơ quan chủ trì việc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Việc quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, đoàn thể thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Tỉnh ủy.

Điều 17. Thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

Thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh và các quy định khác có liên quan.

Điều 18. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và tương đương, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

1. Thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

2. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp. Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

3. Phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền đề xuất biên soạn và lựa chọn chương trình bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

4. Chủ trì hoặc phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định.

5. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền; tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

6. Theo dõi, đánh giá việc thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức; việc chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia khóa học và kết quả học tập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý, sử dụng để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, làm căn cứ thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

7. Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định hiện hành.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp nhu cầu, thẩm định nội dung, xây dựng kế hoạch và tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh hàng năm và giai đoạn, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp quản lý.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung chương trình, chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền.

5. Theo dõi, tổng hợp kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý báo cáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Trên cơ sở đề xuất dự toán của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm đúng mục đích, đúng chế độ và đúng quy định hiện hành.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thực hiện thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc tỉnh

1. Tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Quản lý chặt chẽ học viên trong suốt quá trình tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm thực hiện đúng nội quy, quy chế, duy trì kỷ luật, nề nếp học tập và kịp thời phối hợp với cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức để xử lý các vấn đề phát sinh.

2. Bảo đảm đội ngũ giảng viên có đủ trình độ, năng lực để tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng.

3. Tổ chức xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy theo quy định đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo đúng quy định hiện hành.

5. Liên kết với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài tỉnh để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng đối với các chuyên ngành, lĩnh vực mà đơn vị chưa đủ điều kiện đảm nhận theo quy định. ✓

6. Tổ chức đánh giá chất lượng các khóa bồi dưỡng theo quy định, gửi kết quả đánh giá về Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ theo thẩm quyền quản lý.

7. Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác được cơ quan có thẩm quyền giao.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý (qua Sở Nội vụ). Thời gian báo cáo trước ngày 10 tháng 01 của năm sau.

2. Đối với nội dung báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Nội vụ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thời gian gửi báo cáo theo hướng dẫn cụ thể.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Giao Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

3. Khi các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời tổng hợp, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./. ✓